

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT BƯƠI TRÊN ĐIA BÀN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Song¹, Lâm Văn Học², Nguyễn Xuân Hữu³

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu đã đánh giá, phân tích thực trạng phát triển bưởi tại huyện Lục Ngạn: Sự phát triển về diện tích, năm 2016 là 1323,9 ha, nhưng đến năm 2019 diện tích đã tăng lên và đạt 2598 ha; sự phát triển về năng suất bình quân năm 2016 là 3,83 tấn/ha, đến năm 2019 đạt 20 tấn/ha; sự phát triển về cơ cấu giống bưởi, năm 2016 bưởi diễn 65,04% (816 ha), bưởi da xanh 19,03% (252 ha), các giống bưởi khác chiếm 15,93% (211 ha) và hiệu quả sản xuất bưởi Diễn và bưởi Da Xanh đã tạo thu nhập lớn cho bà con nhân dân trong huyện Lục Ngạn nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng. Tổng thu cho 1 ha trồng bưởi Diễn đạt trên 1 tỷ đồng và bưởi Da Xanh đạt trên 590 triệu đồng. Đã phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng chủ yếu là: Điều kiện tự nhiên như khí hậu, thời tiết, vị trí địa lý, địa hình, địa mạo đất đai, môi trường, sinh thái. Điều kiện sản xuất như trình độ của người sản xuất, năng lực của người sản xuất, quy mô vốn kể cả bằng tiền, bằng vật tư kỹ thuật, lao động có kỹ thuật, lao động có kinh nghiệm tổ chức sản xuất, hình thức hợp tác tổ chức sản xuất và để xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn hiệu quả.

Từ khóa: Phát triển sản xuất bưởi, Lục Ngạn.

1. BẬT VẤN ĐỀ

Lục Ngạn là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, được thiên nhiên ưu đãi tạo nên một vùng khí hậu thổ nhưỡng đặc biệt thích hợp cho việc phát triển các loại cây ăn quả hàng hóa chất lượng cao như vải thiều, bưởi, cam, nhãn, táo. Lục Ngạn còn được biết đến với các loại cây có mùi khác như: bưởi Da Xanh, bưởi Diễn Lục Ngạn, cam đường canh, cam lòng vàng, cam V2. Với trên 20.000 ha cây ăn quả, Lục Ngạn đã trở thành vùng cây ăn quả tập trung lớn nhất miền Bắc. Hàng năm các hộ dân trên địa bàn huyện sản xuất trên 100 nghìn tấn vải thiều, gần 30 nghìn tấn trái cây có mùi. Giá trị sản xuất từ cây ăn quả đem lại doanh thu hơn 3000 tỷ đồng/năm cho người dân địa phương. Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững đã được tỉnh Bắc Giang chú trọng đầu tư với quy mô lớn, quy hoạch từng vùng sản xuất và trở thành vùng trồng, sản xuất cây ăn quả lớn thứ 3 toàn quốc với nhiều loại sản phẩm có thương hiệu nổi tiếng khắp trong và ngoài nước như: vải Lục Ngạn, bưởi Lục Ngạn, cam Lục Ngạn. Theo thống kê diện tích trồng bưởi của huyện Lục Ngạn năm 2019 là 2598 ha, năng suất bình quân đạt trên 20 tấn/ha (UBND huyện Lục Ngạn, 2019).

Tuy nhiên trong quá trình hình thành và phát triển, ngành trồng bưởi ở Lục Ngạn cũng gặp phải một số khó khăn thử thách như thiên tai, sâu bệnh hại, chất lượng giống, thị trường cạnh tranh gay gắt, phát triển bưởi không theo quy hoạch... Ngoài ra do việc quảng bá sản phẩm bưởi chưa đúng hướng nên nguồn tiêu thụ chủ yếu là do các thương lái, giá cả bấp bênh, khó cạnh tranh với các sản phẩm bưởi khác như bưởi Diễn, bưởi Đoan Hùng, bưởi Tân Lạc, bưởi Luận Văn... và chưa được phân phối rộng rãi đến người tiêu dùng, tiêu thụ bưởi bị bó hẹp trong một phạm vi nhất định.

Vấn đề đặt ra ở đây là cần làm gì để đẩy mạnh và phát triển ngành sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn cũng như tìm cách mở rộng thị trường cho sản phẩm bưởi đem lại hiệu quả kinh tế cao, nhằm ổn định phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn. Câu hỏi đặt ra là: Thời gian qua huyện Lục Ngạn đã và đang thực hiện những giải pháp nào nhằm phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn? Nhưng thành tựu, khó khăn và hạn chế trong phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn là gì? Thực trạng phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Bắc Giang đang diễn ra như thế nào? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới hoạt động phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Bắc Giang? Những giải pháp nào cần được hoàn thiện nhằm phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Bắc Giang?

¹ Học viện Nông nghiệp Việt Nam

² UBND xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

³ Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

Mục tiêu của bài báo là đánh giá thực trạng, phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất giải pháp nhằm phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nguồn số liệu

2.1.1. Nguồn số liệu thứ cấp

Các tài liệu khoa học, sách, công trình nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu đã công bố của các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học, số liệu của Chi cục Thống kê, thông tin trên Website về phát triển sản xuất bưởi, phát triển bưởi, Niên giám Thống kê huyện Lục Ngạn và các báo cáo tổng kết của UBND, Phòng Nông nghiệp... huyện Lục Ngạn.

2.1.2. Nguồn số liệu sơ cấp

Thu thập số liệu sơ cấp thông qua phiếu điều tra được thiết kế sẵn phù hợp với mục đích điều tra. Các xã của huyện Lục Ngạn được chia thành ba vùng chính gồm các xã vùng thấp, các xã vùng đồi núi, các xã vùng núi cao. Đề tài chọn nghiên cứu 90 hộ dân trồng bưởi tại 3 xã là: Quý Sơn, Tân Quang, Cẩm Sơn. Đây là các xã có đầy đủ các tính chất đại diện về tình hình phát triển sản xuất bưởi của ba khu vực trong huyện như điều kiện thời tiết, quy mô và tình trạng đất đai, lao động, kinh nghiệm sản xuất, các điều kiện phục vụ sản xuất (đất đai, cung ứng vật tư, thị trường...).

2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Sử dụng phương pháp phân tổ thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hạch toán kinh tế, phương pháp phân tích kênh tiêu thụ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

3.1.1. Tình hình phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn

Trong những năm gần đây, diện tích trồng bưởi tăng không nhiều, có xu hướng giảm do một số diện tích trồng đất không phù hợp, năng suất thấp cho nên người sản xuất giữ lại những diện tích có năng suất và chất lượng cao. Năng suất bưởi trên 1 ha tăng nhanh trong những năm gần đây là do hai nguyên nhân chính: thứ nhất, do diện tích bưởi từ thời gian xây dựng cơ bản vườn cây chuyển sang giai đoạn

kinh doanh; thứ hai, một số diện tích bưởi trên các loại đất không phù hợp được phá bỏ (Bảng 1).

Bảng 1. Năng suất và sản lượng bưởi của huyện qua các năm

Chi tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	BQ (%)
DT cho quả	Ha	1.323,9	856,9	1.095,5	-9
Năng suất	Tấn/ha	3,83	13,26	11,38	72
Sản lượng	Tấn	5070	11.362,5	12.463,5	57

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Lục Ngạn, 2017, 2018, 2019)

3.1.2. Diện tích đất sản xuất bưởi của các hộ điều tra

Huyện Lục Ngạn là nơi có đủ các điều kiện về đất đai, khí hậu phù hợp trong phát triển các loại cây ăn quả cho năng suất, chất lượng cao, trong đó có diện tích trồng bưởi tương đối lớn, bưởi cho quả ngon, ngọt đạt chất lượng cao nhưng diện tích phân bố không đồng đều, chủ yếu bưởi được trồng tại các xã vùng thấp, vùng ven sông, suối. Cây bưởi chủ yếu tập trung nhiều tại các xã có diện tích lớn như Quý Sơn, Tân Mộc, Kiên Lao, Kiên Thành, Phượng Sơn, Thanh Hải...

Những năm gần đây, trồng bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn ngày càng phát triển mạnh cả về diện tích cũng như trình độ thâm canh, qua đó hình thành lên vùng sản xuất quy mô lớn.

Bên cạnh cây vải là cây ăn quả chủ lực của huyện thì hiện nay cây bưởi đang là cây trồng chủ lực (đứng thứ 3 về diện tích) và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ nông dân. Thương hiệu bưởi Lục Ngạn đang được các cấp tỉnh, huyện và người dân trồng bưởi tập trung xây dựng.

Bảng 2. Diện tích sản xuất bưởi của các hộ trồng bưởi (ha/hộ)

Chi tiêu	Phân theo quy mô			
	QML (n=9)	QMTB (n=27)	QMN (n=54)	Chung (n=90)
Tổng diện tích đất của hộ	3,69	1,94	1,91	2,51
1. Diện tích đất trồng bưởi	3,34	1,63	0,69	1,88
2. Diện tích đất trồng cây khác	0,35	0,31	1,22	0,63

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2019)

Qua bảng 2 cho thấy, diện tích trồng bưởi theo quy mô lớn mỗi hộ trồng 3,34 ha, các hộ có quy mô trung bình mỗi hộ trồng 1,63 ha, với quy mô nhỏ mỗi hộ trồng 0,69 ha. Diện tích đất còn lại chủ yếu là trồng cây vải thiều, đa số các hộ có quy mô lớn và quy mô trung bình đã phá hết vải để trồng bưởi. Nhìn chung, diện tích trồng bưởi chung bình của mỗi hộ là 1,88 ha, chiếm 74,9% tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ, từ đó cho thấy trên địa bàn huyện Lục Ngạn hiện nay không chỉ phát triển cây ăn quả chủ lực là cây vải thiều mà diện tích cây có múi ngày càng phát triển.

Kết quả tổng hợp ở bảng 3 cho thấy bình quân mỗi hộ có 1,88 ha đất trồng bưởi trong đó trên 89,36% (99,9/111,8 ha) diện tích của các hộ trồng bưởi đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, còn 10,64% diện tích còn lại của các hộ đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.

Kết quả điều tra 90 hộ cho thấy các giống bưởi mà các hộ nông dân trên địa bàn huyện Lục Ngạn đang trồng đó là giống bưởi có chất lượng cao như bưởi Diễn, bưởi Da Xanh. Trong đó giống bưởi Diễn được các hộ dân lựa chọn trồng nhiều nhất với diện

tích bình quân đạt 1,64 ha/hộ, giống bưởi Da Xanh 0,24 ha/hộ. Đây là hai giống bưởi có chất lượng tốt, được đánh giá là ngon nhất, cho năng suất rất cao, giá cao song lại là hai giống bưởi yêu cầu rất cao về kỹ thuật chăm sóc và chất đất.

Bảng 3. Thông tin về vườn bưởi của hộ năm 2019

(ĐVT: ha/hộ)

Diện tích	QM Lớn (n=9)	QM TB (n=27)	QM Nhỏ (n=54)	Chung (n= 90)
Tổng diện tích	3,34	1,63	0,69	1,88
I. Phân theo giống bưởi				
1.1. Da Xanh	0,4	0,19	0,15	0,24
1.2. Bưởi Diễn	2,94	1,44	0,54	1,64
II. Phân theo giai đoạn SX				
2.1. Diện tích SXKD	2,96	1,52	0,57	1,68
2.2. Diện tích KTCB	0,38	0,11	0,12	0,2

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2019)

3.1.3. Kết quả và hiệu quả kinh tế trong phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn

Bảng 4. Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất bưởi Da Xanh của hộ trong năm 2019

(Tính cho 1 ha bưởi da xanh)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quy mô hộ			BQ
			QML	QMTB	QMN	
I	Kết quả sản xuất					
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	599,50	565,00	527,85	546,16
2	Chi phí trung gian (IC)	Triệu đồng	134,58	122,26	113,45	118,20
3	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	464,92	442,74	414,41	427,96
4	Công lao đồng (LĐ)	Công	70	77	86	81,7
5	Khấu hao	Triệu đồng	40,14	32,89	27,69	30,50
	Khấu hao TSCĐ	Triệu đồng	26,00	18,66	13,50	16,30
-	Khấu hao vườn cây	Triệu đồng	14,14	14,23	14,19	14,20
6	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Triệu đồng	424,79	409,85	386,71	397,46
II	Hiệu quả kinh tế					
1	GO/IC	Lần	4,45	4,62	4,65	4,62
2	VA/IC	Lần	3,45	3,62	3,65	3,62
3	MI/IC	Lần	3,16	3,35	3,41	3,36
4	GO/LĐ	Triệu đồng	8,56	7,34	6,14	6,68
5	VA/LĐ	Triệu đồng	6,64	5,75	4,82	5,24
6	MI/LĐ	Triệu đồng	6,07	5,32	4,50	4,86

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2019)

Qua nghiên cứu cho thấy hiện nay với giá đầu vào cũng như khấu hao tài sản cố định của hộ đã đầu tư vào sản xuất bưởi hàng năm giá trị sản xuất của các hộ trồng bưởi Da Xanh bình quân trong năm 2019 đạt 546,16 triệu đồng/1 ha. Như vậy có thể thấy được tổng thu lớn từ trồng bưởi Da Xanh, hộ quy mô lớn có giá trị sản xuất đạt 599,5 triệu đồng, hộ quy mô nhỏ có giá trị sản xuất thấp nhất chỉ đạt 527,85 triệu đồng. Chi phí trung gian của hộ quy mô lớn dùng cho sản xuất 1 ha bưởi Da Xanh có chi phí lớn nhất với 134,58 triệu đồng. Công lao động bỏ ra để sản xuất 1 ha bưởi Da Xanh trong năm 2019 bình quân hết 81,7 công trong khi đó hộ quy mô nhỏ bỏ ra nhiều công nhất với 86 công, hộ quy mô lớn bỏ ra ít công lao động hơn với 70 công. Thu nhập hỗn hợp MI của các hộ trồng bưởi Da Xanh khi sản xuất trên

1 ha được 397,46 triệu đồng, thu nhập hỗn hợp của hộ quy mô lớn cao nhất trong các nhóm hộ với 424,79 triệu đồng, hộ quy mô nhỏ đạt 386,71 triệu đồng. Các chỉ tiêu hiệu quả phản ánh mức độ hiệu quả đầu tư của hộ vào trồng bưởi Da Xanh, chỉ tiêu MI/IC cho thấy khi đầu tư 1 đồng IC sẽ thu được bao nhiêu đồng thu nhập hỗn hợp. Hộ quy mô lớn có chỉ tiêu MI/IC đạt 3,16 lần cho thấy khi đầu tư 1 đồng IC vào sản xuất bưởi Da Xanh, hộ quy mô lớn sẽ thu lại được 3,16 đồng thu nhập hỗn hợp. Hộ quy mô nhỏ có chỉ tiêu MI/IC là 3,41 cao hơn so với hộ quy mô lớn. Như vậy có thể thấy được hiệu quả đầu tư của hộ quy mô nhỏ cao hơn so với hộ quy mô lớn nhưng không nhiều, việc phát triển sản xuất quy mô lớn vẫn cần được thúc đẩy do thu nhập hỗn hợp của hộ quy mô lớn cao hơn so với hộ quy mô nhỏ.

Bảng 5. Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất bưởi Diễn của hộ trong năm 2019

(tính cho 1 ha bưởi Diễn)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quy mô hộ			BQ
			QML	QMTB	QMN	
I	Kết quả sản xuất					
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	1.160,00	1.124,80	931,00	1.012,04
2	Chi phí trung gian (IC)	Triệu đồng	175,25	159,20	147,74	153,93
3	Công lao động (LĐ)	Công	90	101	113	107,1
4	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	984,75	965,60	783,26	858,11
5	Khấu hao	Triệu đồng	50,25	43,23	38,94	41,36
-	Khấu hao TSCĐ	Triệu đồng	26,00	18,66	13,50	16,30
-	Khấu hao vườn cây	Triệu đồng	24,25	24,57	25,44	25,06
6	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Triệu đồng	934,50	922,37	744,32	816,75
II	Một số chỉ tiêu HQKT					
1	GO/IC	Lần	6,62	7,07	6,30	6,57
2	VA/IC	Lần	5,62	6,07	5,30	5,57
3	MI/IC	Lần	5,33	5,79	5,04	5,31
4	GO/LĐ	Triệu đồng	12,89	11,14	8,24	9,45
5	VA/LĐ	Triệu đồng	10,94	9,56	6,93	8,01
6	MI/LĐ	Triệu đồng	10,38	9,13	6,59	7,63

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2019)

Qua nghiên cứu có thể thấy được doanh thu lớn từ trồng bưởi Diễn, hộ quy mô lớn có giá trị sản xuất đạt 1.160 triệu đồng, hộ quy mô nhỏ có giá trị sản xuất thấp nhất chỉ đạt 931 triệu đồng. Chi phí trung gian của hộ quy mô lớn dùng cho sản xuất 1 ha bưởi Diễn có chi phí lớn nhất với 175,25 triệu đồng. Công lao động bỏ ra để sản xuất 1 ha bưởi Diễn trong năm

2019 bình quân hết 107,1 công trong khi đó hộ quy mô nhỏ bỏ ra nhiều công nhất với 113 công, hộ quy mô lớn bỏ ra ít công lao động hơn với 90 công. Thu nhập hỗn hợp MI của các hộ trồng bưởi Diễn khi sản xuất trên 1 ha được 816,75 triệu đồng, thu nhập hỗn hợp của hộ quy mô lớn cao nhất trong các nhóm hộ với 934,5 triệu đồng, hộ quy mô nhỏ đạt 744,32 triệu đồng. Các chỉ tiêu hiệu quả phản ánh mức độ hiệu

quả đầu tư của họ vào trồng bưởi Diễn, chỉ tiêu MI/IC cho thấy khi đầu tư 1 đồng IC sẽ thu được bao nhiêu đồng thu nhập hỗn hợp. Hộ quy mô lớn có chỉ tiêu MI/IC đạt 5,33 lần cho thấy khi đầu tư 1 đồng IC vào sản xuất bưởi Diễn, hộ quy mô lớn sẽ thu lại được 5,33 đồng thu nhập hỗn hợp. Hộ quy mô nhỏ có chỉ tiêu MI/IC là 5,04 cao hơn so với hộ quy mô lớn. Như vậy có thể thấy được hiệu quả đầu tư sản xuất bưởi diễn của hộ quy mô lớn cao hơn so với hộ quy mô nhỏ.

3.2. Giải pháp phát triển sản xuất bưởi trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

3.2.1. Giải pháp về quy hoạch

Cần quy hoạch vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, tạo điều kiện đầu tư áp dụng kỹ thuật. Tiến hành xây dựng quy hoạch vùng sản xuất bưởi trên phạm vi toàn huyện. Bưởi được phát triển theo vùng tập trung, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, trình độ thâm canh của nhân dân. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch phát triển trong từng giai đoạn để chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Trước mắt, không nên mở rộng diện tích trồng bưởi mà cần tập trung đầu tư thâm canh nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, tập trung vào những giống bưởi chín sớm và chín muộn nhằm dài vụ, kéo dài thời vụ thu hoạch.

Do được thiên nhiên ưu đãi về chất đất và thời tiết nên đây là cây trồng có lợi thế tuyệt đối của vùng đất Lục Ngạn. Và qua quá trình phân tích nói trên có thể thấy và khẳng định cây bưởi là cây trồng đã và đang làm giàu cho người dân trên địa bàn huyện Lục Ngạn. Vì vậy trong tương lai chính quyền địa phương cần phối hợp với các Hợp tác xã, doanh nghiệp, các xã đẩy mạnh phát triển sản xuất bưởi. Tuy nhiên, trong quá trình đẩy mạnh phát triển sản xuất cần phải chú ý không để phá vỡ quy hoạch, để người dân trồng ở ạt gây dư thừa nông sản, huyện cần có kế hoạch mở rộng sản xuất gắn với yếu tố nhu cầu thị trường, gắn với nguồn lực sẵn có của địa phương. Vậy để đẩy mạnh phát triển sản xuất bền vững trong thời gian tới cần tiến hành các biện pháp sau:

Thứ nhất: Huyện cần chỉ đạo sát sao việc phát triển diện tích cây ăn quả, nhất là cây ăn quả có múi nhằm làm chế tình trạng phát triển ở ạt. Chú trọng tập trung vào các vùng trọng tâm, trọng điểm để khẳng định thương hiệu, bảo đảm cho cây ăn quả Lục Ngạn được thị trường chấp nhận, tin dùng.

Thứ hai: Tiến hành rà soát, phân loại diện tích đất phù hợp đối với các loại cây trồng làm tiền đề quy hoạch xây dựng vùng sản xuất hàng hóa cho từng loại cây trồng.

Thứ ba: Để có thể hình thành các vùng sản xuất hàng hóa diện tích cần thiết trong thời gian tới chính quyền địa phương cần quy hoạch vùng sản xuất bưởi bằng cách chọn những vùng có diện tích lớn đang sản xuất, những vùng có tiềm năng đất đai và điều kiện thuận lợi để hình thành các vùng sản xuất tập trung. Đầu tư cơ sở thiết yếu và tác động các giải pháp kỹ thuật, quản lý nhằm duy trì phát triển sản xuất bưởi ở các vùng còn lại có đủ điều kiện sản xuất bưởi. Đối với những vùng có điều kiện sản xuất bưởi nhưng phát triển chậm, diện tích sản xuất nhỏ, tiềm năng có thể khai thác còn lớn thì cần tiếp tục đầu tư, quy hoạch vào sản xuất bưởi.

Bên cạnh đó cần tạo điều kiện để thị trường đất đai hoạt động linh hoạt, hình thành khung pháp lý để các hộ có thể chuyển đổi diện tích sản xuất, tạo điều kiện cho người dân chuyển những chân ruộng không ăn chắc, không chủ động được nước tưới sang trồng bưởi, hình thành thửa vườn có diện tích lớn để các hộ tập trung ruộng đất hình thành các khu sản xuất để thuận lợi cho việc đầu tư máy móc, công cụ, dụng cụ để sản xuất, nâng cao kết quả sản xuất bưởi và giảm thiểu chi phí sản xuất.

3.2.2. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Giải pháp về giống

- Phòng nông nghiệp và PTNT huyện phối hợp với Trung tâm Giống cây trồng tiến hành tuyển chọn và xây dựng vườn giống bưởi đầu dòng sạch bệnh, đạt chất lượng: duy trì những cây bưởi đầu dòng hiện có, tuyển chọn và bổ sung cây giống để đảm bảo đáp ứng cho việc lấy mắt ghép nhân giống.

- Tăng cường năng lực cho cán bộ trong sản xuất, nhân nhanh giống bưởi chất lượng cao và trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ công tác sản xuất giống, nhân giống, kiểm định giống cây ăn quả.

- Hỗ trợ các hộ nông dân áp dụng các kỹ thuật kỹ thuật xây dựng vườn bưởi năng suất, chất lượng (VietGAP): từ kỹ thuật cải tạo, trồng mới, bón phân, chăm sóc, tưới nước, thu hoạch, bảo quản, đóng gói sản phẩm,... Tổ chức các hộ sản xuất theo mô hình nhóm nông hộ cung sở thích và hỗ trợ nhóm phát triển các mối liên kết với các nhà doanh nghiệp, các

nhà khoa học; khai thác có hiệu quả nhân hiệu hàng hóa đã được xây dựng.

- Tiếp tục khảo nghiệm một số giống bưởi mới để bổ sung giống mới có chất lượng, rải vụ bưởi như các giống bưởi chín sớm hơn hoặc chín muộn hơn để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.

- Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra việc sản xuất kinh doanh giống cây ăn quả, thuốc BVTV... để hạn chế các loại giống cây ăn quả, thuốc BVTV chất lượng kém, ngoài danh mục còn lưu thông trên thị trường làm thiệt hại cho người sản xuất.

- Giải pháp về kỹ thuật chăm sóc

Về bón phân, hiện nay phần lớn các hộ trồng bưởi sử dụng kết hợp phân bón hữu cơ và phân vô cho cây bưởi. Đây là hai loại phân bón có hiệu quả cao, chất lượng tốt. Qua điều tra thực tế, các hộ sản xuất sử dụng phân hữu cơ là nhiều nhất, họ chủ yếu sử dụng phân gia súc, phân gà, cung cấp một phần hữu cơ cho đất.

Ngoài phân hữu cơ, phân vô cơ cũng đóng vai trò quan trọng đối với sự sinh trưởng và phát triển của cây. Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân trong việc đầu tư, chăm sóc thì các tổ chức như Hội phụ nữ, Hội nông dân huyện phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức bán phân trả chậm cho nhân dân giúp đỡ các hộ trong việc bón phân đúng và đủ để cây phát triển đúng với kỹ thuật đề ra.

Các ngành chức năng cần quan tâm kiểm soát chặt chẽ lượng dư phân bón trong đất, dư thuốc bảo vệ thực vật, để có biện pháp kịp thời khuyến khích sử dụng phân hữu cơ, chấn chỉnh thói quen lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón...

Về kỹ thuật thu hoạch cần có hướng dẫn cụ thể biện pháp thu hoạch cùng với phương pháp chăm sóc bưởi sau thu hoạch.

3.2.3. Giải pháp về lao động

Huyện Lục Ngạn là huyện có truyền thống sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là cây ăn quả nên các hộ có thuận lợi rất lớn về kinh nghiệm sản xuất. Song một điều thực tế không tránh khỏi đó là sâu bệnh hiện nay diễn biến rất phức tạp. Trong điều kiện đó, các hộ sản xuất đưa vào kinh nghiệm là chính, việc tiếp cận khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế. Vì vậy vấn đề đào tạo kỹ thuật là yếu tố tất yếu khách quan và cần thiết để tiến hành kịp thời.

Cần bộ khuyến nông cơ sở cần thường xuyên tổ chức có hiệu quả các lớp tập huấn kỹ thuật cho người dân, đưa thông tin về các tiến bộ kỹ thuật đến với người dân, làm thế nào để người trồng hiểu được quy trình kỹ thuật, nhưng quan trọng hơn là những kiến thức đó phải được người dân áp dụng vào thực tế sản xuất. Phải nâng cao nhận thức của người dân là mục tiêu quan trọng của buổi tập huấn kỹ thuật.

Các chương trình đào tạo tập huấn chủ yếu bao gồm: hướng dẫn quy trình sản xuất bưởi: chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh hại đối với bưởi; tổ chức cho nhân dân tham quan mô hình tạo điều kiện cho bà con được thảo luận và trao đổi vấn đề.

Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: Khuyến khích và hỗ trợ kinh phí cho công tác tập huấn kỹ thuật cho nông dân, đào tạo công nhân kỹ thuật cho các tổ chức kinh tế, người sản xuất bưởi. Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất bưởi cho hộ gia đình trong huyện.

3.2.4. Giải pháp phát triển thương hiệu

Chính quyền địa phương cần xây dựng thương hiệu cho bưởi Lục Ngạn để tự khẳng định chất lượng cũng như sự kiểm chứng từ thị trường.

Bưởi là cây ăn quả có lợi thế cạnh tranh việc chi đạo, hướng dẫn nhân dân sản xuất theo chuỗi khép kín là rất cần thiết; lấy chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm làm mục tiêu phấn đấu mà nền tảng là VietGAP, các tiêu chuẩn khác chỉ thực hiện theo yêu cầu thị trường được xác định.

3.2.5. Giải pháp về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và bảo quản

Kết hợp nhiều kênh huy động vốn để xây dựng và nâng cấp mạng lưới giao thông trong vùng bao gồm đường liên thôn. Hiện nay theo đánh giá của các hộ dân thì hệ thống giao thông đang xuống cấp, đường nông thôn hẹp, đường nội đồng đi lại khó khăn và chưa được bê tông hóa, gây khó khăn trong việc đi lại và tiêu thụ sản phẩm.

Theo đánh giá của các hộ trồng bưởi hệ thống điện không đảm bảo, còn yếu vào các giờ cao điểm. Trong thời gian tới chính quyền có kế hoạch nâng cấp hệ thống điện để phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng các hộ.

Đối với Lục Ngạn hiện nay mực nước ngầm về mùa mưa thì nhiều, về mùa hạn hán thì ít, mực nước ngầm xuống sâu. Do đó để đảm bảo mực nước sinh hoạt

cho con người và phát triển cây bưởi thì đòi hỏi chính quyền phải có chiến lược xây dựng thủy lợi trước tiên. Với điều kiện địa hình có khe, suối, giếng nước ngầm... dân dân đầu tư nâng cấp, cải tạo hồ chứa nước trên địa bàn huyện.

Đối với nông dân cần có ý thức bảo vệ xây dựng các hệ thống ao hồ, hệ thống kênh mương. Tiết kiệm nguồn nước ngọt sẵn có trên địa bàn đảm bảo vệ sinh chung cho toàn khu vực.

3.2.6. Giải pháp về thị trường

Đa số các hộ được điều tra đều không thấy gặp khó khăn khi tiêu thụ sản phẩm của mình. Tuy nhiên chúng tôi nhận thấy khâu thị trường còn những hạn chế cơ bản như: không biết chắc chắn giá cả, phân lớn giá đều xuất phát từ doanh nghiệp hay các thương gia thu mua. Do vậy cần có những giải pháp cụ thể sau:

Chính quyền địa phương cần tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp như liên kết "bốn nhà", xây dựng chuỗi giá trị cho cây ăn quả theo hướng bền vững, đồng thời tăng cường thông tin, tuyên truyền, quảng bá, kết nối cung - cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm; xóa bỏ rào cản đối với sự phát triển của nông sản như nguyên liệu, giống, sức cạnh tranh về giá, chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm... Huyện cần giúp người dân mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa. Thực hiện ký hợp đồng, liên doanh, liên kết với các cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm để thực hiện việc tiêu thụ sản phẩm qua các khâu đầu mối đó.

Chính quyền địa phương cần phải quan tâm cung cấp thông tin một cách kịp thời đến người dân về giá cả. Đảm bảo chuỗi cung thị trường ổn định từ người sản xuất đến người tiêu dùng.

Tổ chức thị trường sản phẩm nông sản nội chung và sản phẩm bưởi nội riêng phù hợp với xu thế phát triển kinh tế. Việc sản xuất bưởi phụ thuộc rất nhiều vào thị trường tiêu thụ. Có những vụ bưởi bán với giá ổn nhưng có những vụ bưởi có giá thất thường, giá không cao do đó người dân luôn ở trong trạng thái bị động trong sản xuất.

Xây dựng mạng lưới thông tin hỗ trợ công tác quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại.

Các vùng trồng bưởi cũng như các tổ chức kinh tế làm đầu mối tiêu thụ sản phẩm cho người sản xuất cần phải quan tâm đầu tư xây dựng bảo vệ nhãn hiệu

bưởi cho sản phẩm của mình. Thương hiệu sẽ mang lại cho các doanh nghiệp sở hữu thêm nhiều lợi nhuận hơn nữa tạo một thị trường tương đối ổn định.

Để sản phẩm bưởi tiếp cận được với các nước có nhu cầu tiêu dùng thực phẩm khô tinh thì cần phải nhanh chóng đẩy mạnh việc tuyên truyền, quảng bá sản phẩm trên tất cả các thị trường trong và ngoài nước. Đầu tư để đưa các dòng sản phẩm mới, các giống bưởi mới, có chất lượng cao hơn, giảm giá thành sản phẩm thích hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

Thành lập một trung tâm giao dịch xuất khẩu bưởi. Đây sẽ là trung tâm tập kết bảo quản, giao dịch và ký kết các hợp đồng xuất khẩu bưởi sang thị trường nước ngoài và các tỉnh bạn nhằm giảm thiểu tình trạng hư hại sản phẩm và tránh nguy cơ bị ép giá. Trung tâm này được xây dựng hệ thống kho để bảo quản bưởi cho khách hàng từ các nơi đến đây thuê làm đầu mối giao dịch, mua bán, kể cả các tiện ích khác như: chi nhánh ngân hàng, đoàn xe vận tải, đội bốc vác, nơi ăn chốn nghỉ.

4. KẾT LUẬN

Năng suất sản xuất bưởi của các hộ điều tra đối với bưởi Diễn đạt 50,6 tấn/ha, thu nhập hỗn hợp đạt 816,75 triệu đồng/ha, bưởi Da Xanh tuy có giá cao hơn nhưng năng suất chỉ đạt 18,2 tấn/ha, thu nhập hỗn hợp đạt 527,85 triệu đồng/ha; với giống bưởi Da Xanh trồng trên huyện Lục Ngạn cho năng suất thấp hơn rất nhiều so với bưởi Diễn.

Cơ cấu giống bưởi của các hộ điều tra: bưởi Diễn chiếm 82,23%, bưởi Da Xanh chiếm 15,16%, các giống bưởi khác chiếm 2,61%. Như vậy, có thể thấy giống bưởi Diễn được đa số nhân dân trong huyện trồng vì giá trị mang lại cũng như hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương.

Giải pháp về quy hoạch trong phát triển sản xuất bưởi: cần quy hoạch vùng sản xuất tập trung, chuyên canh. Tiến hành xây dựng quy hoạch vùng sản xuất bưởi trên phạm vi toàn huyện; giải pháp về khoa học, công nghệ trong sản xuất bưởi: chọn giống, kỹ thuật chăm sóc, giải pháp tập huấn cho người sản xuất; giải pháp về lao động: nâng cao trình độ kỹ thuật lao động, mở nhiều lớp tập huấn; giải pháp về vốn: khuyến khích hộ đầu tư vốn cho sản xuất bưởi; giải pháp về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất: tăng cường hoạt động các chợ đầu mối, xây dựng các trung tâm thương mại, xây dựng các kho lạnh để bảo quản sản

phẩm; giải pháp về thị trường tiêu thụ: cung cấp thông tin một cách kịp thời đến người dân về giá cả, đảm bảo chuỗi cung thị trường ổn định từ người sản xuất đến người tiêu dùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Duy Nam (2013). Phát triển sản xuất bưởi Sứu tại huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ. Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2. Nguyễn Hữu Thọ (2015). Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và một số biện pháp kỹ thuật đối với giống bưởi Diễn (*Citrus grandis*) tại tỉnh Thái Nguyên. Luận án tiến sĩ nông nghiệp, Trường đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

3. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Lục Ngạn (2018). Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

4. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Lục Ngạn (2019). Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.

5. UBND huyện Lục Ngạn (2018). Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội và sự chỉ đạo điều hành của UBND huyện năm 2017; phương hướng, mục tiêu, các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

6. UBND huyện Lục Ngạn (2019). Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội và sự chỉ đạo điều hành của UBND huyện năm 2018; phương hướng, mục tiêu, các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

SOLUTIONS FOR DEVELOPING POMELO PRODUCTION AT THE LUC NGAN DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE

Nguyen Van Song, Lam Van Hoc, Nguyen Xuan Huu
Summary

The research results of the authors evaluated and analyzed the status of grapefruit development in the study area: area, in 2016 was 1323.9 ha, but by 2019 the area of pomelos increased and reached 2598 ha, the average productivity growth in 2016 was 3.83 tons/ha by 2019, the average yield reached 20 ton/ha, the development of pomelo-like structure in 2016 grapefruit pomelo 65.04% (816 ha), green grapefruit 19.03% (252 ha), other grapefruit varieties accounted for 15.93% (211 ha) and the performance of Dien and Da Xanh pomelos has created a big income for people in Luc Ngan district in general and Bac Giang province in particular, according to the research results of the authors' total revenue for 1 ha of pomelo planting. di o reaches over 1 billion dong, blue pomelo earns more than 590 million dong. The research team analyzed the main causes of influence: natural conditions such as climate, weather, geographic location, topography, soil geomorphology, environment and ecology. Production conditions such as qualifications of producers, capacity of producers, capital scale including cash, technical materials, skilled labor, experienced workers organizing production, figures cooperation method of production organization and proposing some solutions to promote the development of pomelo production in Luc Ngan district effectively.

Keywords: *Grapefruit production development, Luc Ngan.*

Người phản biện: PGS.TS. Đào Thế Anh

Ngày nhận bài: 17/3/2020

Ngày thông qua phản biện: 17/4/2020

Ngày duyệt đăng: 24/4/2020